TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30/3/2021.
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài.

2. Bà Trần Thị Kim Thắm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Đô – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HN ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang Đ

Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện C, tỉnh H.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Cẩm L

Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Quang Đ trình bày: Anh và Phạm Thị Cẩm L chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức lễ cưới, đến ngày 21/12/2017 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện P, tỉnh H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng

6/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh phát hiện chị L thường xuyên nhắn tin, trò chuyện với người đàn ông khác. Anh cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Đến tháng 8/2020 thì anh với chị L sống ly thân. Nay anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Thời gian chung sống anh với chị L có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Đặng Bảo T, giới tính: Nữ, sinh ngày 29/9/2016, hiện cháu Trân đang sống chung với anh kể từ lúc ly thân cho đến nay. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Phạm Thị Cẩm L quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Anh Nguyễn Quang Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị Phạm Thị Cẩm L tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là chị Phạm Thị Cẩm L hiện tại có nơi cư trú tại ấp N, xã NA, huyện C, tỉnh H.. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L chung sống với nhau từ năm 2015, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Anh Đ yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ và chị L chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh Đ ghen tuông và nghi ngờ cho rằng chị L không chung thủy trong đời sống vợ chồng, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị

được đoàn tụ nhưng chị L không đến tham dự. Anh Đ kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng anh Đ và chị L đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay mà không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị L.

[2]. Về con chung: Anh Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy anh Đ và chị L sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Đặng Bảo T, sinh ngày 29/9/2016, từ lúc ly thân đến nay cháu Tr sống chung với anh Đ, chị L biết anh Đ yêu cầu ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng vẫn không thể hiện ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy để không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Trân nên yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Quang Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Quang Đ được ly hôn với chị Phạm Thị Cẩm L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đặng Bảo T. Giới tính: Nữ, sinh ngày 29/9/2016 cho anh Nguyễn Quang Đ được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Cẩm L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ chưa yêu cầu.

Chị Phạm Thị Cẩm L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quang Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005608 ngày 09/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Anh Đ không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quang Đ và chị Phạm Thị Cẩm L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Mẫn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND thị trấn B, huyện P, tỉnh H
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.